

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-12-2020.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Văn Bình.

Bà Lê Kim Tuyền.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Êm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Tuấn K, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Bích C, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: khóm An H, phường A, thành phố HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2020 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn anh Đặng Tuấn K, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C cưới nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới anh và chị C cùng sinh sống bên gia đình anh, cuộc sống vợ chồng

hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh nuôi cá lồng, phải bán đất trả nợ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị C bỏ đi, chị C nói với anh là đi làm nhưng không có nói với anh làm gì, ở đâu và anh cũng không có đi tìm hay hỏi thăm chị C sinh sống như thế nào. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị C không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, khi anh và chị C gặp nhau tại nhà cha mẹ ruột của chị C thì anh và chị C cũng không nói chuyện hay hỏi thăm nhau nên vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Bích C.

2. Về việc nuôi con: Anh và chị C chung sống với nhau có 02 con chung, gồm con gái tên Đặng Bích N, sinh ngày 13/10/2003 và con trai tên Đặng Tuấn H, sinh ngày 19/7/2008. Hiện 02 con chung sinh sống cùng anh, từ khi chị C bỏ nhà đi cho đến nay. Hiện tại anh đi làm thuê, chạy cá mươn mỗi ngày thu nhập được từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng, anh không biết chị C làm nghề gì, thu nhập mỗi ngày được bao nhiêu tiền. Khi chị C bỏ đi thì không có gởi tiền về cho anh để nuôi dưỡng 02 con chung nhưng chị C có cho tiền con chung Bích N tiêu xài. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh và chị C chung sống với nhau có 01 căn nhà, diện tích chiều ngang 07m x chiều dài 11m, cất bằng cây gỗ bạch đàn và gắn liền với đất, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh Đ và 01 chiếc xe Biển số 66G1-408.83 do chị C đứng tên quyền sở hữu. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản nào khác. Khi chị C bỏ đi đã thống nhất để nhà lại cho 02 đứa con và xe cho anh chạy cá mươn nuôi 02 con chung nên khi nộp đơn khởi kiện anh trình bày là anh và chị C chung sống với nhau không có tài sản chung. Về tài sản chung anh và chị C đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh và chị C chung sống với nhau không có thiếu nợ cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn chị Lê Thị Bích C đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị C vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2020 chị Trần Thị Ngọc T, trình bày: Chị là em dâu chị Bích C. Chị không có mâu thuẫn gì với anh K và chị C. Chị không biết anh K, chị C có mâu thuẫn gì với nhau, vì chị C không nói với gia đình. Hiện chị C đi làm thỉnh thoảng mới về nhà. Lúc cha ruột chị C mất và lễ 49 ngày

thì chị C có về nhà. Vợ chồng chị C, anh K có 02 con chung tên Đặng Bích N, Đặng Tuấn H hiện sống bên xã B với anh K. Chị nghe chị C nói đi làm lâu lâu gửi tiền về cho anh K nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung của anh K, chị C thì chị không rõ, vì không sống gần. Tòa án có gửi thông báo hoặc giấy mời gì cho chị C thì giao bên nhà của chị C ở xã B, khi chị C về thì chị sẽ nhắn chị C qua nhà lấy, chứ đừng gửi nhà chị, vì gia đình chị không biết gì về chuyện vợ chồng chị C. Chị C nói lần nào về cũng ghé nhà để thăm con. Ngoài ra, chị không còn trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Đặng Tuấn K được ly hôn với chị Lê Thị Bích C. Về nuôi con chung: Giao con chung Đặng Bích N, sinh ngày 13/10/2003 và con Đặng Tuấn H, sinh ngày 19/7/2008 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, vì hai con chung đều có nguyện vọng sinh sống cùng anh K, chị C không cấp dưỡng. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Đặng Tuấn Kiệt có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa anh và chị Lê Thị Bích C và chị C hiện cư trú tại ấp A, xã B, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Lê Thị Bích C và người làm chứng chị Trần Thị Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng chị C, chị T vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, chị T đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Tuấn K và chị Lê Thị Bích C được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 quyển 01 ngày 06/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa anh Đặng Tuấn K vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Bích C. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống anh K cho rằng anh và chị C chung sống không hạnh phúc, vì vợ chồng mâu thuẫn chuyện tiền bạc nên anh K và chị C không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay và khi gặp nhau tại nhà cha mẹ ruột của chị C thì anh K, chị C cũng không có nói chuyện hay hỏi thăm nhau để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử đã động viên anh K hàn gắn tình cảm với chị C nhưng anh K vẫn cương quyết ly hôn, vì không còn tình cảm với chị C. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng chị C vẫn không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án hòa giải với anh K để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa anh K và chị C không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh K yêu cầu ly hôn với chị C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đặng Tuấn K được ly hôn với chị Lê Thị Bích C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Đặng Bích N, sinh ngày 13/10/2003 và con Đặng Tuấn H, sinh ngày 19/7/2008 hiện đang sống cùng anh K ổn định được đảm bảo về mọi mặt và con chung Bích N, Tuấn H đều có nguyện vọng sinh sống cùng anh K. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao con chung Bích N và Tuấn H cho anh K được tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Bích C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị C theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung: Anh Đặng Tuấn K trình bày anh K và chị C đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về nợ chung: Anh Đặng Tuấn K trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Đặng Tuấn K chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001393 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Tuấn K. Cho anh Đặng Tuấn K được ly hôn với chị Lê Thị Bích C.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Đặng Bích N, sinh ngày 13/10/2003 và con chung Đặng Tuấn H, sinh ngày 19/7/2008 cho anh Đặng Tuấn K được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Chị Lê Thị Bích C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Tuấn K chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001393 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 12 năm 2020) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**